

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua sắm công cụ dụng cụ, tài sản cố định phục vụ BDSC các Nhà máy điện năm 2022 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Phát hành ngày: 28/4/2022

Ban hành kèm theo Quyết định: 43/QĐ-TSC ngày 28/4/2022

Bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật



Phạm Đức Nghĩa

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

- Tên bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
- Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho gói thầu Mua sắm công cụ dụng cụ, tài sản cố định phục vụ BDSC các Nhà máy điện năm 2022 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện công việc: Thời gian giao hàng trong vòng 12 tuần kể ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ

nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các nội dung cần thiết khác:
 - Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.
 - Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện.
 - Bảng kê hàng hóa chào hàng phải ghi rõ theo các yêu cầu tại Bảng chào giá

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ:

*Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP –
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*

*Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.*

Số điện thoại: 0975.566.858

Email tiếp nhận báo giá: anhntn@tsc.pvpower.vn

Thời điểm nộp không muộn hơn **10 giờ 00 ngày 16/5/2022**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 01 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.
3. Nộp bản sao công chứng/ chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và/ hoặc được đăng tải trên website www.pvpower.vn.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 02 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

1. Yêu cầu chung đối với hàng hóa

- Cung cấp đầy đủ hàng hóa đáp ứng các thông số và yêu cầu về kỹ thuật như Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa;
- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2020 trở đi;
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất/hoặc đại diện hợp pháp của nhà sản xuất; chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O) của Phòng Thương mại hoặc Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp đối với những hàng hóa có yêu cầu tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa.

2. Các yêu cầu khác:

Hàng hóa do các nhà cung cấp/nhà sản xuất cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn sau:

- Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Nhà thầu nêu rõ nhà sản xuất
- Có nhãn, mác, thông số kỹ thuật rõ ràng.
- Hàng hóa phải được bảo quản theo tiêu chuẩn quy định của nhà sản xuất/TCVN.
- Có đầy đủ tài liệu mô tả kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, an toàn và bảo quản của nhà sản xuất. Tài liệu kỹ thuật, phải có đầy đủ tính pháp lý và được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh. (Áp dụng đối với những mục hàng hóa được yêu cầu cung cấp tại Phụ lục 1- Danh mục hàng hóa).

II. Địa điểm, thời gian thực hiện công việc:

- Địa điểm giao hàng: Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật – Tầng 4 Viện Dầu khí Việt Nam 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy Hà Nội
- Thời gian thực hiện công việc: Thời gian giao hàng trong vòng 12 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

III. Tiêu chí đánh giá kỹ thuật

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng
I	Về phạm vi cung cấp	
1	Phạm vi hàng hóa cung cấp	Đạt
	Theo đúng Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	
	Không đúng theo Phụ 1 – Danh mục hàng hóa	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa	
1	Các thông số kỹ thuật quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	Đạt
	Đáp ứng yêu cầu trong Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	
	Không đáp ứng yêu cầu trong Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	Không đạt
2	Cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng hóa chào đáp ứng thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Tài liệu đáp ứng đủ và đúng yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 1- Danh mục hàng hóa	
	Tài liệu không đáp ứng đủ và đúng yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 1- Danh mục hàng hóa	Không đạt
3	Nêu rõ ràng, cụ thể hãng sản xuất, quốc gia/ khu vực sản xuất	Đạt
	Nêu rõ ràng, cụ thể hãng sản xuất, quốc gia/ khu vực sản xuất	
	Để trống, không nêu	Không đạt
4	Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2020 trở đi	Đạt
	Đáp ứng yêu cầu	
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
III	Chế độ bảo hành		
1	Cam kết tuân thủ chế độ bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
2	Thời hạn bảo hành của nhà thầu kể từ ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
IV	Tiến độ giao hàng		
1	Tiến độ giao hàng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết)	Đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục 1 - Danh mục hàng hóa Không đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục 1 - Danh mục hàng hóa	Đạt Không đạt
		≤ 12 tuần	Đạt
		> 12 tuần	Không đạt

Bản báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi tất cả các tiêu chuẩn đều được đánh giá là đạt

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Nước /Khu vực xuất xứ	Thời gian bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) x (8)
1	Hàng hóa thứ 1							M1
2	Hàng hóa thứ 2							M2
							
3	Hàng hóa thứ n							Mn
4	Tổng giá trị trước thuế GTGT (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác)							
5	Thuế GTGT							
6	Tổng cộng							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (3), (4), (8), (9) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (8) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế chưa bao gồm thuế GTGT, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Có áp dụng giảm trừ thanh toán.

Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: #/HD/PVPTSC-NCC/2022/HH

Về việc: Mua sắm công cụ dụng cụ, tài sản cố định phục vụ BDSC các Nhà máy điện năm 2022 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà cung cấp trúng thầu ký ngày ...tháng...năm....

Hôm nay, ngày ...tháng...năm... Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (PV POWER TSC)

(sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : 0866 206 877.

Mã số thuế : 0102276173-009.

Đại diện : Ông .

Chức vụ :

2. CÔNG TY ...

(sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện :

Chức vụ:

Tài khoản :

Tại :

Đại diện là

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp Đồng cung cấp Hàng Hóa với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

Hợp đồng: Là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

Giá Hợp đồng: Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.

Hàng hóa: Là các loại vật tư thay thế, tài liệu kỹ thuật kèm theo mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

Bên A: Là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).

Bên B: Là ... (Ghi tên nhà thầu trúng thầu)

Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: Tên tiếng Anh là Certificate of Origin, được viết tắt là C/O, là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.

Giấy chứng nhận chất lượng: Tên tiếng Anh là Certificate of Quality, viết tắt là C/Q, là loại giấy tờ xác nhận rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc các tiêu chuẩn quốc tế.

Ngày: Là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

Tuần: Là 07 ngày.

Địa điểm bàn giao Hàng hóa: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

YCBG: Yêu cầu báo giá

BCG: Bản chào giá

VND: Đồng Việt Nam

ĐIỀU 2: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

- Văn bản Hợp đồng (kèm theo Danh mục Hàng hóa và các Phụ lục khác);
- Các điều khoản của Hợp đồng;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
- Yêu cầu báo giá

- Bản chào giá và các văn bản làm rõ Bản báo giá của nhà cung cấp trúng thầu (nếu có);
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ ĐẶC ĐIỂM HÀNG HÓA

- 3.1 Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết bán cho Bên A vật tư mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm ... (sau đây gọi tắt là “Hàng hóa”) là sản phẩm chính hiệu của nhà sản xuất, với tên gọi, chủng loại, mô tả, số lượng, đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu và xuất xứ cụ thể được nêu rõ tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng này.
- 3.2 Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trong trường hợp Hàng hóa có chứa nguồn phóng xạ để Bên A làm thủ tục xin phép đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 4: LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG

- 4.1 Loại hợp đồng :
- 4.2 Tổng giá Hợp đồng là: ... VND (đã bao gồm VAT)
(*Bằng chữ:*).
- 4.3 Giá Hợp đồng tại Điều 4.2 trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi Giá Hợp đồng, khi đó Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.
- 4.4 Giá Hợp đồng tại Điều 4.2 trên đây bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí mà Bên B phải chịu để giao Hàng hóa cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.

ĐIỀU 5: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trước-ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: 10% giá Hợp đồng.
- Hiệu lực: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày Bên B phát hành Bảo lãnh bảo hành cho lần thanh toán cuối cùng.

Trong trường hợp bảo lãnh hết hiệu lực mà bên B chưa hoàn thành các trách nhiệm được quy định trong hợp đồng, Bên B có trách nhiệm gia hạn và nộp cho Bên A trước 15 ngày kể từ thời điểm bảo lãnh hết hiệu lực.

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho việc Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào của mình theo quy định của Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.

ĐIỀU 6: ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA

Bên B sẽ phải đóng gói Hàng hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển Hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo Hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận

chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng hiện có từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

ĐIỀU 7: KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM HÀNG HÓA

- 7.1 Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm Hàng hóa được cung cấp, nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt thì Bên B phải đổi lại Hàng hóa và chịu các chi phí liên quan. Việc kiểm tra được tiến hành tại kho Bên A vào thời điểm giao hàng.
- 7.2 Bất kỳ Hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế bằng Hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các Hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.
- 7.3 Khi thực hiện các nội dung nêu tại Điều 7.1 và 7.2, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

ĐIỀU 8: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

8.1. Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ba (03) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng. Đại diện của Bên A thực hiện các công tác liên quan đến việc giao nhận và nghiệm thu hàng hóa.

- Thời gian giao hàng: trong vòng 12 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
- Địa điểm giao nhận hàng: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

8.2. Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản giao nhận (được lập thành 02 bản gốc, mỗi Bên giữ 01 bản) về việc nhận đầy đủ Hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng Hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

8.3. Bên A có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến về tính phù hợp, hợp lệ của hàng hóa, chứng từ được giao. Thông báo cho Bên B những bất thường về hàng hóa, sự không thống nhất về chứng từ để Bên B giải trình, điều chỉnh, bảo hành, đổi hàng (nếu cần) cho phù hợp với yêu cầu hợp đồng. Việc xem xét trên bao gồm nhưng không giới hạn: thông số kỹ thuật hàng hóa; đơn vị tính hàng hóa; sự phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng, chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ, tờ khai nhập khẩu... và có trách nhiệm ký biên bản nghiệm thu hàng hóa trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Bên B giao hàng hóa và chứng từ hợp lệ đi kèm.

8.4. Việc nghiệm thu Hàng hóa sẽ được tiến hành theo 02 bước như sau:

Nghiệm thu kỹ thuật:

- Việc nghiệm thu kỹ thuật của hàng hóa được thể hiện ở Biên bản bàn giao hàng hóa.
- Hàng hóa đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu như quy định trong Phụ lục 1 và có Giấy Chứng nhận Chất lượng của nhà sản xuất đủ điều kiện nghiệm thu kỹ thuật.
- Khi có Biên bản bàn giao hàng hóa, Hàng hóa có đủ điều kiện để nhập kho.
- Ngày của Biên bản bàn giao hàng hóa là ngày được dùng để xác định Hàng hóa có giao chậm hay không, và được dùng để tính Phạt giao chậm như quy định dưới đây.

Nghiệm thu khối lượng hoàn thành:

- Việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành của hàng hóa được thể hiện ở Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Hàng hóa sau khi được nghiệm thu kỹ thuật, có Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa và các giấy tờ theo quy định Hợp đồng sẽ được nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ liên quan.

8.5 Trong trường hợp hàng hóa và chứng từ được giao, nhưng chưa được nghiệm thu khối lượng hoàn thành do phải làm rõ, xác nhận lại một số thông tin. Tuy nhiên, sau khi làm rõ, xác minh những thông tin, chứng từ nhà cung cấp cung cấp là chính xác, thời gian đợi làm rõ, xác nhận không tính vào thời gian phạt. Thời điểm bàn giao được tính từ ngày Bên B giao hàng hóa và chứng từ.

8.6 Trong trường hợp hàng đồ vỡ, hàng thiếu, nếu cần thiết phải thuê cơ quan giám định độc lập để đánh giá tình trạng chất lượng và kỹ thuật của Hàng hóa khi Hàng hóa được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng, Bên A và Bên B sẽ bàn bạc và thống nhất bằng văn bản về việc mời một cơ quan giám định có thẩm quyền tại Việt Nam để tiến hành giám định Hàng hóa, về nội dung, lịch trình giám định. Chi phí giám định sẽ do bên có lỗi chịu. Kết quả giám định tại biên bản giám định là căn cứ để xác định tình trạng, chất lượng, mức độ thiệt hại của Hàng hóa cũng như xác định mức độ trách nhiệm đền bù của Bên B (nếu có).

8.7 Bên A có quyền từ chối không nhận Hàng hóa (một phần hay toàn bộ) nếu Hàng hóa được giao không tuân thủ đúng các đặc tính kỹ thuật đã được mô tả trong Hợp đồng và Phụ lục 1 kèm theo.

8.8 Phạt giao chậm:

a. Giá trị Tuần trong tính phạt giao chậm được xác định bằng tổng số ngày giao chậm chia cho 07 ngày.

b. Phạt do giao hàng chậm:

Trường hợp Hàng hóa được Nghiệm thu kỹ thuật sau ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng, Bên B sẽ bị phạt do giao hàng chậm với thời

gian tính phạt giao hàng chậm kể từ ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng đến ngày Biên bản bàn giao hàng hóa:

- Phạt 02% giá trị trước thuế phần giao chậm/ tuần giao chậm, số tiền phạt không quá 08% giá trị phần hàng hóa giao chậm trước thuế.
- Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A các vật tư dự kiến giao muộn quá 04 tuần. Trường hợp vật tư giao chậm quá 04 tuần mà không được sự đồng ý của Bên A thì Bên A có quyền xem xét việc không nhận các mục vật tư giao chậm.
- Bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên kia thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên vi phạm phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho bên kia.

8.9. Quy định về CQ và hàng tương đương

- Chấp thuận CQ điện tử hoặc CQ được cấp bởi văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất/nhà sản xuất tương đương tại khu vực.
- Trường hợp thay đổi nhà sản xuất thiết bị thì phải được Bên A chấp thuận.
- Trong trường hợp vật tư hoặc thiết bị quy định trong Hợp đồng không còn sản xuất, chấp thuận vật tư hoặc thiết bị mới của cùng nhà sản xuất và được nhà sản xuất xác nhận tương đương.

ĐIỀU 9: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Thanh toán một lần. Giá trị thanh toán là tổng giá trị của các mục hàng thực tế được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- Một (01) bản gốc **Công văn đề nghị thanh toán** của Nhà cung cấp;
- Một (01) bản gốc **Hoá đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị Hàng hóa được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành có xác nhận của hai bên, thuế GTGT. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật – Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính Yên Hòa Cầu Giấy Hà Nội. Mã số thuế: 0102276173-009;
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Chất lượng** (Certificate of Quality (C/Q)) của nhà sản xuất chứng nhận Hàng hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất; hàng được sản xuất từ năm 2020 trở đi.
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa** (Certificate of Origin (C/O)) do Phòng Thương

- mại và Công nghiệp/**Cơ quan có thẩm quyền** của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp. Trong trường hợp Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa sai khác so với quy định, Bên B phải có trách nhiệm giải trình/làm rõ và chỉ được thanh toán hạng mục đó khi có sự chấp thuận của Bên A;
- Bản gốc **Giấy Chứng nhận Bảo Hành** của nhà sản xuất hoặc Bên B chứng nhận Hàng Hóa cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng kể từ ngày giao cho Bên A theo Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa;
 - Một (01) bản gốc **Biên bản bàn giao hàng hóa** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận;
 - Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
 - Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
 - Bản gốc **Bảo lãnh bảo hành** vô điều kiện không hủy ngang, giá trị bảo lãnh là 5% giá trị hàng hóa, có hiệu lực theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng kể từ ngày ký Biên bản Nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Trong trường hợp Bảo lãnh bảo hành phát hành sau ngày ký Biên bản Nghiệm thu khối lượng hoàn thành thì Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng kể từ ngày phát hành.
 - Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm** giao hàng (nếu có).
 - Một (01) bản gốc **Biên bản thanh lý hợp đồng**.
 - Một (01) Bản sao của Bên B **Tờ khai hải quan nhập khẩu** (xóa giá) đối với phần hàng hóa do Bên B nhập trực tiếp; hoặc bản sao Hóa đơn/Hợp đồng (xóa giá) giữa Bên B và nhà cung cấp đối với phần hàng hóa không do Bên B trực tiếp nhập khẩu.

ĐIỀU 10: BẢO HÀNH, BẢO QUYỀN

10.1. Bảo hành: Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng là mới chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo. Ngoài ra, Bên B cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa:

- Chứng chỉ bảo hành được phát hành bởi Nhà sản xuất hoặc Bên B với thời gian bảo hành như phục lục đính kèm tháng tính từ khi hàng hóa được Nghiệm thu khối lượng hoàn thành..
- Bảo lãnh bảo hành: Sau khi hoàn thành công việc bàn giao nghiệm thu hàng hóa và dịch vụ, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh bảo hành bao gồm các nội dung chính sau:

- + Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- + Giá trị bảo lãnh là% giá trị hàng hóa phần công việc hoàn thành.
- + Hiệu lực: tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh.
- + Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành nếu trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản thông báo của Bên A, Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa và hoặc phân dịch vụ bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh thực bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
- + Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết có hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.
- Không bị ảnh hưởng bởi kết quả kiểm tra, thử nghiệm trước khi nhận và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Bên A theo quy định của hợp đồng, nếu Bên A phát hiện thấy hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được giao thiếu hoặc không đúng như các quy định, mô tả kỹ thuật, bị khiếm khuyết, sai quy cách, hư hỏng trong Hợp Đồng này, Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa hoặc yêu cầu Bên B phải gửi bổ sung hoặc thay thế hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) sai quy cách hay bị hư hỏng bằng các hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) mới theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện được quy định trong Hợp Đồng này. Bên B phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc thay thế này.
- Hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định trong Hợp Đồng kể từ thời điểm thay thế.
- Nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày được quy định trên đây, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp.

10.2 Bản quyền: Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Hàng Hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

ĐIỀU 11: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

11.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a. Bên A hoặc Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- c. Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- d. Bên A hoặc Bên B bị phá sản, giải thể.

11.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a và b Điều 11.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được Hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị phần Hợp đồng không thực hiện;

11.3. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt Hợp đồng theo điểm d Điều 11.1, Bên còn lại không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của các bên được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 12: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

12.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

12.3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

12.4. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 13.

ĐIỀU 13: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

13.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

13.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án nhân dân cấp

có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

14.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

14.2. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

14.3. Phụ lục... kèm theo là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng với Phụ lục 1 thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

14.4. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ___/___/2022 và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này.

14.5. Hợp Đồng này được lập thành tám (08) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ năm (05) bản, Bên B giữ ba (03) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

STT	Tên CCDC	Đặc trưng kỹ thuật	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Yêu cầu khác		
									CO	CQ	Tài liệu kỹ thuật/ Cataloge đính kèm
1	Đèn pin cầm tay	- Độ sáng 2000 lumen - Chống bụi, chống nước IPX7/IPX8	Asia	6 tháng	Cái	5					
2	Đèn laser	- Đèn chiếu tia laser: 2-3km - Có trang bị khóa an toàn	Asia	6 tháng	Cái	5					
3	Cờ lê lục 1/2"	- Khoảng lực (Nm): 80-400 N.m (Bulong size 19 - 27 mm (3/4"-1"), lắp khẩu cỡ 1/2")	G7	12 tháng	Cái	1				x	
4	Máy đo điện trở cách điện	Đo điện trở cách điện : Điện áp thử: 250V/500V/1000V Giải do: 20MΩ/200MΩ/2000MΩ Giải do: 0-600V AC Khối lượng: 990g approx Phụ kiện: Que đo, R6P (AA) x 8, HDSD	G7/Asia	12 tháng	Cái	2				x	x
5	Bộ vít cách điện	- Cách điện 1000V - Gồm 6 cây tuốc nơ vít: + 4 cây det: 3 mm, 4 mm, 5.5 mm, 6.5 mm. + 2 cây bake: PH1, PH2	G7	6 tháng	Bộ	1				x	
6	Máy vận vít đúng pin	Điện áp: 12V Mô-men xoắn tối đa: 110Nm	Asia	6 tháng	Cái	1				x	x
7	Thước đo độ dày (Đồng hồ đo độ dày)	- Phạm vi đo: 0-10mm - Độ phân giải: 0.01mm - Dung sai: ± 15µm	G7	12 tháng	Cái	1				x	x
8	Máy đo độ dày kim loại+ phụ kiện đầy đủ	- Thang đo: 1-200mm, độ chính xác: ±0.1mm - Nhiệt độ vận hành: 0°C đến +40°C + Màn hình hiển thị LCD + Nguồn cấp điện: Pin + Tuổi thọ pin: >200giờ/bộ	G7/Asia	24 tháng	Cái	1			x	x	x
9	Thước đo độ nghiêng kỹ thuật số	- Dải đo: 0 - 360° (4 x 90°) - Trọng lượng xấp xỉ: 0.91kg - Phạm vi laze: 30m - Lớp laze: 2 - Độ chính xác của laze: ±0.5 mm/m	Asia	12 tháng	Cái	1				x	x
10	Nivo khung	- Kích thước: 200x44x200 mm - Cấp chính xác: 0.02mm	G7/ America	12 tháng	Cái	1				x	
11	Bộ cân mẫu thép 32 miếng	- Vật liệu: thép không rỉ - 1.005 mm (1 block) 1.01-1.09 mm (0.01 mm step / 9 blocks) 1.1-1.9 mm (0.1 mm step / 9 blocks) 1-9 mm (1 mm step / 9 blocks) 10-30 mm (10 mm step / 3 blocks) 60 mm (1 block)	G7	12 tháng	Bộ	1				x	x
12	Máy đo điện trở cách điện	- Dải đo điện trở cách điện: 15 Ω- 15kV - Dòng ngắn mạch đến: 6mA - Bản chế độ lọc: 10s, 30s, 100s, 200s - Cấp an toàn IV 600V tới 3000m - Kết nối thông qua cổng USB - Các phương pháp test: IR (Điện trở cách điện), tỉ số hấp thụ (DAR), Hệ số phân cực PI, Phòng điện (DD), bước điện áp (SV) - Khả năng tương thích với Power DB Lite	G7	+ Cam kết bảo hành theo chính sách bảo hành của hãng và thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng + Cung cấp chính sách bảo hành của nhà sản xuất	Cái	1			x	x	x
13	Ampe Kim	- Phép đo miliampe (bơi ampe kim): Dải đo từ 0 tới 20.99mA- độ chính xác 0.2%+5 counts Dải đo từ 21.0mA tới 100mA- độ chính xác 1%+5 counts	Asia	12 tháng	Cái	1			x	x	x

STT	Tên CCDC	Đặc trưng kỹ thuật	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Yêu cầu khác		
									CO	CQ	Tài liệu kỹ thuật/ Cataloge đính kèm
14	Máy siết đai ốc dùng điện dạng đầu vuông	- Lực siết lớn nhất: 6000 Nm - Đầu chuẩn drive: 1 1/2" - Thân thẳng	G7/EU	+ Cam kết bảo hành theo chính sách bảo hành của hãng và thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng nhưng không thấp hơn thời gian bảo hành của hãng. + Cung cấp chính sách bảo hành của nhà sản xuất	Cái	1			x	x	x
15	Máy siết đai ốc dùng pin	Điện áp: 18V Lực siết lớn nhất: 1300Nm Đầu chuẩn drive: 1/2"	Asia	12 tháng	Cái	1				x	x

Ghi chú : Nội dung được đánh dấu "x" là nhà thầu bắt buộc phải cung cấp. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp Tài liệu kỹ thuật/ Cataloge đính kèm tại thời điểm nộp bản chào giá. Đối với CO, CQ nhà thầu có trách nhiệm cung cấp khi bàn giao hàng hóa.

